

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-ST

Ngày: 04-10-2022

*V/v tranh chấp hợp đồng góp hội*

*Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Hùng;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2020/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969; có đơn xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Cao Thị V, sinh năm 1980; có đơn xin vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1978; vắng mặt không lý do.

Các đương sự cùng cư trú tại: Khu phố TP, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14-8-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24-6-2021, các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Bà và chị V có quen biết với nhau. Bà có làm chủ thảo hội, chị V tham gia tổng cộng 08 phần hội, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 10 triệu đồng/tháng, mở ngày 25-3-2019 (dương lịch), mẫn ngày 25-12-2021 (dương lịch) gồm 22 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ hai ngày 25-4-2019, giá kêu hụi 3.050.000 đồng, hốt được 149.000.000 đồng, trừ hoa hồng 5.000.000 đồng, thực nhận 144.000.000 đồng, đóng hụi chết được 14 kỳ với số tiền 140.000.000 đồng đến ngày 25/6/2020 thì ngưng đóng, còn nợ 06 kỳ hụi chết với số tiền 60.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 5 triệu đồng/tháng, mở ngày 20-11-2019 (dương lịch), mẫn ngày 20-11-2021 (dương lịch) gồm 26 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ đầu ngày 20-11-2019, giá kêu hụi 1.700.000 đồng, hốt được 82.500.000 đồng, trừ hoa hồng 2.000.000 đồng, thực nhận 80.500.000 đồng, đóng hụi chết được 7 kỳ với số tiền 35.000.000 đồng đến ngày 20-6-2020 thì ngưng đóng, còn nợ 18 kỳ hụi chết với số tiền 90.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 5 triệu đồng/tháng, mở ngày 05-10-2019 (dương lịch), mẫn ngày 05-9-2021 (dương lịch) gồm 25 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ tư ngày 05-01-2020, giá kêu hụi 1.700.000 đồng, hốt được 84.300.000 đồng, trừ hoa hồng 2.000.000 đồng, thực nhận 82.300.000 đồng, đóng hụi chết được 5 kỳ với số tiền 25.000.000 đồng đến ngày 05-6-2020 thì ngưng đóng, còn nợ 16 kỳ hụi chết với số tiền 80.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 5 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-3-2020 (dương lịch), mẫn ngày 10-12-2021 (dương lịch) gồm 22 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ đầu ngày 10-3-2020, giá kêu hụi 985.000 đồng, hốt được 84.315.000 đồng, trừ hoa hồng 2.000.000 đồng, thực nhận 82.315.000 đồng, đóng hụi chết được 2 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng đến ngày 10-6-2020 thì ngưng đóng, còn nợ 19 kỳ hụi chết với số tiền 90.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Hụi 3 triệu đồng/tháng, mở ngày 05-11-2018 (dương lịch), mẫn ngày 05-9-2020 (dương lịch) gồm 23 phần, vợ chồng chị V tham gia 02 phần:

+ Phần thứ nhất: Vợ chồng chị V, ông T hốt hụi kỳ đầu ngày 05-11-2018, giá kêu hụi 910.000 đồng, hốt được 45.980.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000 đồng, thực nhận 44.780.000 đồng, đến ngày 05-7-2020 thì ngưng đóng, còn nợ 03 kỳ hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng.

+ Phần thứ hai: Vợ chồng chị V, ông T hốt hụi kỳ thứ hai ngày 05-12-2018, giá kêu hụi 910.000 đồng, hốt được 46.800.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000 đồng, thực nhận 45.600.000 đồng, đến ngày 05-7-2020 thì ngưng đóng, còn nợ 03 kỳ hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ sáu: Hụi 03 triệu đồng/tháng, mở ngày 05-11-2018 (dương lịch), mẫn ngày 05-9-2020 (dương lịch) gồm 23 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ ba ngày 05-01-2019, giá kêu hụi 900.000 đồng, hốt được 48.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000 đồng, thực nhận 46.800.000 đồng, đóng hụi chết được 17 kỳ với số tiền 51.000.000 đồng đến ngày 05-7-2020 thì ngưng đóng, còn nợ 03 kỳ hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng.

- Dãy hội thứ bảy: Hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-01-2020 (âm lịch), mãn ngày 10-9-2021 (âm lịch) gồm 22 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, hốt hội kỳ thứ hai ngày 10-02-2020, giá kê hội 600.000 đồng, hốt được 30.000.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000 đồng, thực nhận 29.200.000 đồng, đóng hội chết được 03 kỳ với số tiền 6.000.000 đồng đến ngày 10-5-2020 (âm lịch) thì ngưng đóng, còn nợ 17 kỳ hội chết với số tiền 34.000.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng chị V, anh T còn nợ bà 372.000.000 đồng tiền hội.

Vợ chồng chị V, anh T có vay của bà số tiền 70.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, có lập biên nhận do bà V ký tên, thỏa thuận vài ngày sau sẽ trả lại.

Bà yêu cầu vợ chồng bà V, ông T trả cho bà 372.000.000 đồng tiền nợ hội và 70.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 442.000.000 đồng. Bà rút phần yêu cầu tính lãi suất trên nợ hội và nợ vay.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Cao Thị V trình bày:* Chị thừa nhận các phần hội như bà G trình bày là đúng. Chị thừa nhận còn nợ tiền hội chết của bà G là 372.000.000 đồng. Đối với số tiền vay chị chỉ thừa nhận có nợ tiền vay của bà G số tiền 50.000.000 đồng; không thừa nhận có nợ số tiền 20.000.000 đồng vay vào ngày 24-4-2020. Do đó, chị đồng ý trả cho bà G 372.000.000 đồng tiền nợ hội và 50.000.000 đồng tiền vay.

Anh Nguyễn Quốc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện lời khai của anh T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G tranh chấp hợp đồng góp hội, hợp đồng vay tài sản đối với chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T.

Buộc chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền nợ hội là 372.000.000 đồng và 70.000.000 đồng tiền nợ vay.

Đình chỉ yêu cầu của bà G về việc yêu cầu trả lãi suất.

Về án phí: Chị Cao Thị V và anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G, bị đơn chị Cao Thị V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Dung, chị V và anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà G yêu cầu vợ chồng bà V, ông T trả cho bà 372.000.000 đồng tiền nợ hui và 70.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 442.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà G về tiền nợ hui thấy rằng: Chị V thừa nhận có tham gia các dây hui do bà G làm chủ, sau khi hốt hui không góp hui chết đầy đủ còn nợ, gồm:

- Dây hui thứ nhất: Hui 10 triệu đồng/tháng, mở ngày 25-3-2019 (dương lịch), mãn ngày 25-12-2021 (dương lịch) gồm 22 phần, còn nợ hui chết với số tiền 60.000.000 đồng.

- Dây hui thứ hai: Hui 5 triệu đồng/tháng, mở ngày 20-11-2019 (dương lịch), mãn ngày 20-11-2021 (dương lịch) gồm 26 phần, còn nợ hui chết với số tiền 90.000.000 đồng.

- Dây hui thứ ba: Hui 5 triệu đồng/tháng, mở ngày 05-10-2019 (dương lịch), mãn ngày 05-9-2021 (dương lịch) gồm 25 phần, còn nợ hui chết với số tiền 80.000.000 đồng.

- Dây hui thứ tư: Hui 5 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-3-2020 (dương lịch), mãn ngày 10-12-2021 (dương lịch) gồm 22 phần, còn nợ hui chết với số tiền 90.000.000 đồng.

- Dây hui thứ năm: Hui 3 triệu đồng/tháng, mở ngày 05-11-2018 (dương lịch), mãn ngày 05-9-2020 (dương lịch) gồm 23 phần, còn nợ hui chết số tiền 18.000.000 đồng.

- Dây hui thứ sáu: Hui 03 triệu đồng/tháng, mở ngày 05-11-2018 (dương lịch), mãn ngày 05-9-2020 (dương lịch) gồm 23 phần, còn nợ hui chết với số tiền 9.000.000 đồng.

- Dây hui thứ bảy: Hui 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-01-2020 (âm lịch), mãn ngày 10-9-2021 (âm lịch) gồm 22 phần, còn nợ hui chết với số tiền 34.000.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng chị V, anh T còn nợ bà 372.000.000 đồng tiền hui.

Chị V thừa nhận nợ số tiền hui trên và đồng ý nhận một mình trả nợ cho bà G. Xét thấy, chị V trình bày số tiền hui sử dụng vào mục đích chăn nuôi bò sữa, chi sinh hoạt kinh tế gia đình, anh T không biết nên chị nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà G. Xét thấy, anh T và chị V là vợ chồng, việc giao dịch tham gia góp hui trên lấy tiền sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, anh T phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị V trả nợ cho bà G.

Do đó, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471 Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dung; buộc anh T và chị V liên đới trả cho bà G số tiền nợ hui là 372.000.000 đồng.

[2.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của bà G về tiền nợ vay thấy rằng: Chị V thừa nhận có nợ của bà G số tiền vay 50.000.000 đồng và đồng ý trả nợ cho bà G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Đối với số tiền 20.000.000 đồng vay vào ngày 24-3/2020, chị V không thừa nhận số nợ này cũng như không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nợ ngày 24-3/2020 do chị ký và viết ra. Bà G yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị V trên giấy nợ ngày 24-3-2020. Căn cứ vào kết luận giám định số: 4026/KL-KTHS ngày 09-9-2022 của Phan viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (giấy nợ ngày 24-3/2020) so với chữ lý chữ viết đứng tên Cao Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Do đó, đủ cơ sở xác định chị V có nợ tiền vay của bà G số tiền 70.000.000 đồng. Nay bà G yêu cầu chị V cùng anh T trả số nợ tiền vay 70.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G.

Vậy chị V và anh T có nghĩa vụ trả tổng cộng số tiền 442.000.000 đồng cho bà G. Trong đó, nợ vay là 70.000.000 đồng, nợ hui là 372.000.000 đồng.

[3] Do bà G rút yêu cầu trả lãi suất trên số nợ hui và nợ vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào 244 Bộ luật tố tụng dân sự; đình chỉ yêu cầu của bà G đối với yêu cầu trả lãi suất trên số nợ hui và nợ vay.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị V, anh T phải chịu 20.000.000 đồng + 42.000.000 đồng x 04 % = 21.680.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, chị V và anh T phải chịu là 4.000.000 đồng. Do chi phí giám định bà G đã nộp, do đó, chị V và anh T có nghĩa vụ trả lại cho bà G số tiền 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 161; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T về việc tranh chấp hợp đồng hợp hui, hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 442.000.000 (bốn trăm bốn mươi hai triệu) đồng tiền hui và nợ vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà G đối với yêu cầu trả lãi suất trên số nợ hui và nợ vay.

3. Về án phí:

- Chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T phải chịu 21.680.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 10.840.000 (mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0014778 ngày 29-10-2020 và 1.000.000 tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0015356 ngày 24-6-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Chi phí giám định: Chị Cao Thị V và anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

5. Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm**